

Bản án số: 102/2024/HS-ST

Ngày: 22 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Văn Miến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà H1 Thị H Uyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2023/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN Đ, sinh ngày 29/12/1991 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn ĐS, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N; có vợ Khắc Thị L; có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014;

Tiền sự: Không

Tiền án: Có 01 tiền án tại bản án số 48/2022/HSST ngày 20/7/2022 bị Toà án nhân dân huyện TT xét xử 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm về tội Gây rối trật tự công cộng. Ngày 29/8/2022 bị cáo đã nộp án phí. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Tạm giữ: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, tạm giam ngày 03/4/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN XUÂN H, sinh ngày 28/5/1993 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn TP, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh X và con bà Kiều Thị H; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không

Tiền án: Tại Bản án số 23/2016/HSST ngày 22/3/2016. Bị cáo bị Tòa án dân nhân huyện TT - TP Hà Nội tuyên phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 10 triệu đồng. Ngày 09/6/2016 H nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng theo Biên lai số 0000293. Ngày 13/6/2023 bị cáo đã chấp hành hình phạt đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai số 0014276. Ngày 26/3/2024 đã nộp 9.800.000 đồng theo Biên lai 0011607 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Tạm giữ: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, bị cáo bị tạm từ ngày 03/4/2024. Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/4/2024. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN S, sinh ngày 26/12/1998 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn TP, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và con bà Phạm Thị H; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Bị cáo tại ngoại lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

5. NGUYỄN VĂN H1, sinh ngày 17/9/1992 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn 1, xã CS, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và con bà Nguyễn Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị O, có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, Tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Bị cáo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

5. KHƯƠNG VĂN L, sinh ngày 28/3/1998 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn Y, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khương Văn X và con bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN TIẾN H2, sinh ngày 04/7/1994 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn TP, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và con bà Phạm Thị C; Có vợ Hoàng Thị H, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. NGUYỄN VĂN S2, sinh ngày 24/8/1997 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Thôn ĐS, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12 /12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và con bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 16/9/1992 tại huyện TT, thành phố Hà Nội. Nơi ĐKTT: Thôn TP, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và con bà Phạm Thị T; Có vợ: Đỗ Thị Y, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024, Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ ngày 03/4/2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/3/2024, lần lượt các bị cáo Nguyễn Văn S, Khương Văn L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Nguyễn Văn T đến nhà bị cáo Nguyễn Văn Đ trú tại: Thôn ĐS - TX - TT - Hà Nội để chơi. Sau đó cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền Việt

Nam đồng tại nhà ở của bị cáo Đ và xin phép bị cáo Đ đánh bạc, bị cáo Đ đồng ý cho đánh bạc. Lúc này chiếu đã được trải sẵn ở trong phòng, bị cáo Đ chuẩn bị 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân để ở chiếu và thống nhất với các đối tượng đánh bạc thu hồ phé bằng cách khi nào các đối tượng đánh bạc được “sáp” hoặc “liêng đồng chất” thì sẽ bỏ ra ngoài 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) là tiền hồ phé, khi nào nghỉ thì sẽ đưa số tiền hồ phé trên cho bị cáo Đ. Các bị cáo S, L, H, H2, T cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng”. Khi đang đánh bạc lần lượt các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 đến nhà bị cáo Đ và cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng trên.

Hồi 16 giờ 20 phút, ngày 25/3/2024, Đội cảnh sát hình sự - Công an huyện TT phối hợp với Công an xã TX kiểm tra, phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” cụ thể như sau: Các đối tượng đánh bạc tham gia chơi sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân chia đều cho từng người chơi bạc 03 quân bài và tiến hành đặt cược, mỗi người chơi bạc đặt cược 50.000 đồng/ván (gọi là gà). Sau khi đặt cược xong, các đối tượng đánh bạc sẽ tiến hành tổ và đặt cược theo lượt ngược chiều kim đồng hồ, người chơi đầu tiên là chủ bàn hoặc người thắng ván trước, mỗi lần tổ từ 100.000 đồng đến 250.000 đồng. Các đối tượng đánh bạc lần lượt có thể “theo”, “bỏ” hoặc “tổ thêm” tùy theo ý các đối tượng đánh bạc. Ván chơi sẽ kết thúc khi không có đối tượng đánh bạc tổ thêm, nếu còn lại ít nhất 2 người chơi theo vòng tổ thì các đối tượng đánh bạc đó sẽ hạ bài ra để so điểm. Bài ai cao nhất sẽ thắng, nếu cuối cùng chỉ còn lại 1 người chơi bạc theo vòng thì bài người đó sẽ thắng và không phải lật bài. Cách so bài như sau: các bộ bài liêng xếp theo thứ tự từ lớn đến bé (A23<234<...<JQK<QKA), “sáp” (ba quân bài số giống nhau), nếu hai người sáp thì sẽ so sánh giá trị quân 2<3<...<K<A; “liêng” là 3 quân liên tiếp nhau (tính cả A23 và QKA), nếu cùng liêng thì so sánh giá trị quân bài theo chất rô>ơ>tép>bích, “Đĩ” là 03 quân bài đều là hình đầu người JQK (không phải sáp và liêng). Nếu không có các bộ đặc biệt thì sẽ cộng điểm (A là 1 điểm ..., 10, J, Q, K là 0 điểm). Bài sẽ so sánh sáp>liêng>đĩ>9>8...>1>0.

Khi tham gia đánh bạc: Nguyễn Văn S: mang theo 5.400.000 đồng, Khương Văn L: mang theo 3.600.000 đồng, Nguyễn Xuân H mang theo 3.400.000 đồng, Nguyễn Tiến H2 mang theo 3.100.000 đồng, Nguyễn Văn T mang theo 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn H1 mang theo 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn S2 mang theo 2.000.000 đồng. Tất cả số tiền các bị cáo mang theo đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Quá trình đánh bạc, các bị cáo đã đặt cược đánh bạc nhiều ván từ 14 giờ đến 16 giờ 20 phút và để ra ngoài chiếu số tiền hồ phé để đưa cho bị cáo Đ tại thời điểm lực lượng công an bắt quả tang là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên số tiền hồ phé các đối tượng đánh bạc vẫn để cạnh chiếu, chưa đưa cho bị cáo Đ.

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 (một) chiếu trúc mảnh kích thước 1,8 x 2m, số tiền 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)

- thu giữ trên chiếu bạc trong đó có 450.000 đồng là tiền hồ phé.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 10/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 – 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án cũ hình phạt bị cáo từ 42 – 45 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H từ 06 – 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H1, Khương Văn L, Nguyễn Tiến H2 từ 06 – 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn T từ 06 – 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếu trúc mảnh kích thước 1,8m x 2m, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 79/THADS/2024 ngày 09 tháng 8 năm 2024.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 23.500.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi tuyên án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, những người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/3/2024, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 23.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi dùng nhà ở của mình, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ sử dụng làm nơi đánh bạc.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 đã có hành vi đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Văn Đ đã có hành vi gá bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có trình độ hiểu biết pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội. Cần phải có biện pháp xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[3]. Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này, xác định các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không lập kế hoạch, không có sự cấu kết chặt chẽ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Bị cáo sử dụng nhà ở của mình để cho các bị cáo đến đánh bạc. Bị cáo được xác định đồng phạm với vai trò cầm đầu chuẩn bị dụng cụ như: bị cáo chuẩn bị bộ bài, chiếu cho các bị cáo đánh bạc, bị cáo thu tiền hồ, tiền phé của những người được “sáp” hoặc “liêng đồng chất” với một lần số tiền là 50.000 đồng/1 người.

Các bị cáo khi tham gia đánh bạc: Nguyễn Văn S mang theo 5.400.000 đồng, Khương Văn L mang theo 3.600.000 đồng, Nguyễn Xuân H mang theo 3.400.000 đồng, Nguyễn Tiến H2 mang theo 3.100.000 đồng, Nguyễn Văn T mang theo 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn H1 mang theo 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn S2 mang theo 2.000.000 đồng. Tất cả các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, tích cực với vai trò của các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trên cơ sở số tiền các bị cáo sử dụng tham gia đánh bạc.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo Khương Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tiến H2, Nguyễn Văn S2 theo Điều 35 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H1 áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tiền phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Các tình tiết khác: Không.

[5] **Xử lý vật chứng:**

- 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếu trúc mảnh kích thước 1,8m x 2m là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 23.500.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Tiến H2, Khương Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S2 phạm tội Đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội Gá bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 48/2022/HSST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT mà bị cáo chưa chấp hành xong là 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án xử phạt bị cáo 42 tháng tù tính từ ngày bắt bị cáo ngày 25/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024 đến ngày 23/4/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 tháng phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25/3/2024 đến ngày 03/4/2024 (Quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ là 27 ngày). Bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 08 tháng 03 ngày.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện TT nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 08 tháng phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25/3/2024 đến ngày 03/4/2024 (Quy đổi 01

ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ là 27 ngày). Bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ 07 tháng 03 ngày.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện TT nhận được Quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H2 số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Khương Văn L số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S2 số tiền 20.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếu trúc mảnh kích thước 1,8m x 2m. Theo biên bản giao nhận tài sản, tang vật số 79/THADS/2024 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 23.500.000 đồng, theo Ủy nhiệm chi Kho bạc Nhà nước huyện TT ngày 08/8/2024.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- CA, VKSND, THA huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Bị cáo;
- UBND xã TX;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên